

MẪU THAM KHẢO
SƠ ĐỒ XÉT NGHIỆM

BMXN-.....

Lần ban hành (version): 01

SƠ ĐỒ XÉT NGHIỆM CHO KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM NHANH

Tên sinh phẩm

Số lô:

Hạn sử dụng:

* Mẫu xét nghiệm nhận từ .../.../..... đến .../.../..... (Xem Sổ nhận mẫu)

S T T	Ngày XN	Họ tên/Mã số	Vùng kiểm chứn g	Vùng kết quả	Kết quả	Người XN	Ghi chú

BMXN-.....

Lần ban hành (version): 01

SƠ ĐỒ XÉT NGHIỆM CHO KỸ THUẬT ELISA - 5 chứng

Ngày thực hiện:

.....

Tên sinh phẩm:

.....

Người thực hiện:

.....

Quy trình xét nghiệm:

QTXN-....-.....

Phiến số:

.....

.....

Số lô:

.....

.....

Hạn sử

dụng:.....

.....

Sử dụng IQC:

.....

.....

Số lô:

.....

.....

Hạn sử

dụng:.....

.....

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	4	12	20	28	36	44	52	60	68	76	84	
B	5	13	21	29	37	45	53	61	69	77	85	
C	6	14	22	30	38	46	54	62	70	78	86	
D	7	15	23	31	39	47	55	63	71	79	87	
E	8	16	24	32	40	48	56	64	72	80	88	
F 1	9	17	25	33	41	49	57	65	73	81	89	
G 2	10	18	26	34	42	50	58	66	74	82	90	
H 3	11	19	27	35	43	51	59	67	75	83	91	

BMQL-.....

Tờ số.....

Lần ban hành (Version):

SƠ ĐỒ LƯU MẪU

Tủ lạnh:

Nhiệt độ:

Ngăn: Giá: Hộp số:
.....

Ngày:/...../20.....

Loại mẫu: Nguồn mẫu:
.....

Người quản lý:

1.	2.	3.	4.	5.	6.	7.	8.	9.
10.	11.	12.	13.	14.	15.	16.	17.	18.
19.	20.	21.	22.	23.	24.	25.	26.	27.
28.	29.	30.	31.	32.	33.	34.	35.	36.
37.	38.	39.	40.	41.	42.	43.	44.	45.
46.	47.	48.	49.	50.	51.	52.	53.	54.
55.	56.	57.	58.	59.	60.	61.	62.	63.
64.	65.	66.	67.	68.	69.	70.	71.	72.
73.	74.	75.	76.	77.	78.	79.	80.	81.